

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 20/2018/HNGĐ - ST

Ngày 31-5-2018

V/v: “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con ”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Đình Tâm

2. Ông Quách Hà Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Tòa án, TAND huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 31/5/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 06/2018/TLST- HNGĐ ngày 18/01/2018 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/4/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2018/QĐST- HNGĐ ngày 15/5/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T ; Sinh năm: 1990

Địa chỉ: Khu 2, xã Thạch Tân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị Bùi Thị Ngọc T; Sinh năm: 1994

Địa chỉ: Khu 2, xã Thạch Tân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt anh T, vắng mặt chị T không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 11/01/2018, trong bản tự khai ngày 18/01/2018 cũng như tại phiên tòa hôm nay, anh T trình bày: Anh và chị Bùi Thị Ngọc T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28/6/2012 tại ủy ban nhân dân xã Thành Vinh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị T có biểu hiện quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác nên thường xuyên bỏ đi khỏi nhà. Vì con, anh đã nhiều lần tha thứ nhưng chị T vẫn không thay đổi tính nết. Đến nay, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Bùi Thị Ngọc T.

- Về con cái: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Thành Đạt, sinh ngày 07/01/2012, hiện nay cháu đang ở với anh. Ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản : Vợ chồng không có tài sản chung nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập hợp lệ chị Bùi Thị Ngọc T để làm bản tự khai, trình bày ý kiến về những nội dung yêu cầu khởi kiện của anh T, nhưng chị T không có mặt nên không có lời khai của chị T. Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng chị T không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho chị T. Tòa án cũng đã niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án để chị T biết và thực hiện quyền của mình. Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị T đến phiên hoà giải hai lần nhưng chị T đều không đến để tham gia hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ chị T đến lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng chị T vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

Chị T không có bản tự khai, cũng như văn bản ghi ý kiến của mình đối với các yêu cầu khởi kiện của anh T nên các bên không thống nhất được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị Ngọc T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28/6/2012 tại ủy ban nhân dân xã Thành Vinh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều 9, 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 điều 28 BLTTDS. Vợ chồng hòa thuận đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có sự ghen tuông nghi ngờ tình cảm, thiếu tin tưởng nhau nên thường hay xảy ra mâu thuẫn, chị T thường xuyên bỏ nhà về nhà bố mẹ đẻ. Vợ chồng không thể khắc phục hàn gắn tình cảm được và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Hiện tại vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai, mạnh ai người ấy sống. Việc này đã được trưởng khu 2 và UBND xã Thạch Tân xác nhận. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh T được ly hôn chị T để giải phóng cho nhau là cần thiết và phù hợp pháp luật.

[2].Về con cái: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Thành Đạt, sinh ngày 07/01/2012, hiện nay cháu đang ở với anh T. Anh T thiết tha được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, từ thời điểm vợ chồng ly thân đến nay, cháu Đạt luôn ở với anh T, chị T không có yêu cầu đề nghị gì. Để đảm bảo khả năng phát triển bình thường và điều kiện học hành ổn định cho cháu, tránh sự xáo trộn trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày của cháu. Nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của anh T, giao cháu Đạt cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T là phù hợp với hoàn cảnh thực tế, giới tính và các quy định của pháp luật.

[3].Về tài sản: Anh T không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[4].Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 207, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228, khoản 4 điều 147 BLTTDS; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Bùi Thị Ngọc T.

2/ Về con cái: Giao cháu Nguyễn Thành Đạt - sinh ngày 07/01/2012 cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi thành niên. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3/ Về án phí: Anh Nguyễn Văn T chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền anh T đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự Thạch Thành, theo biên lai số: AA/2015/0002183 ngày 17/01/2018. Anh T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt anh T vắng mặt chị T. Anh T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận :

- Các đương sự
- VKSND Thạch Thành;
- UBND xã Thành Vinh;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Hùng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- chủ tọa phiên toà

Lưu Đình Tâm Quách Hà Vĩnh

Phạm Văn Hùng